TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:47/2025/HSST
Ngày:29-4-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Quyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Nguyễn Đức Duy

Ông Đỗ Thanh Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Bế Thị Huệ-Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Huy- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2025/TLST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2025/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Kim P, sinh năm 1998; tại tỉnh Tiền Giang. Nơi đăng ký thường trú: ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang; chỗ ở hiện nay: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn S và bà Nguyễn Thị L; Bị cáo có chồng Nguyễn Trung T, sinh năm 1995 (đã ly hôn), có 03 con, lớn sinh năm 2015 và con nhỏ sinh năm 2020 và 2023; Tiền sự: không. Tiền án: 01. Ngày 06/8/2024 bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 107/2024/HSST hiện đang chấp hành án tại Trại giam Đ-Bộ C; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1/ Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1960 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2/ Bà Phạm Thị P1, sinh năm 1967 (xin vắng);

Địa chỉ: Số C, tổ A, ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3/ Anh Nguyễn Tấn P2, sinh năm 1976 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp M, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1/ Anh Trần Văn P3, sinh năm 1979 (có mặt);

Địa chỉ: ấp K, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2/ Chị Nguyễn Bùi Ngọc Q, sinh năm 1981 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số I, ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người làm chứng*:

1/ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1975 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2/ Bà Nguyễn Kim P4, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Kim P có 01 tiền án về tội "Trộm cắp tài sản" (theo bản án số 107/2024/HS-ST ngày 06/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang), trong thời gian chờ thi hành bản án, P đã thực hiện 03 vụ "Trộm cắp tài sản" trên địa bàn huyện C, tỉnh Tiền Giang, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất:

Vào khoảng 16 giờ 00 phút ngày 15/9/2024, P vào khu vực bếp ăn chùa T1 ở ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang đi vệ sinh và lấy nước uống thì phát hiện 01 xe đạp điện nhãn hiệu Asama màu đen của bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1960, nơi thường trú: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang dựng bên hông, không người trông coi nên P nảy sinh ý định lấy trộm. P lấy xe điều khiển đến nhà bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1975 (là mẹ ruột P) ở ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Đến khoảng 13 giờ 30 phút ngày 17/9/2024, do xe đạp điện bị hư hỏng nên P điều khiển xe đến cửa hàng Q2 tại ấp K, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang sửa chữa. Anh Trần Văn P3, sinh năm: 1979, nơi cư trú: tại ấp K, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang thay thế IC và lõi động cơ với số tiền 850.000 đồng. Do P không có tiền thanh toán cho anh P3 số tiền 850.000 đồng nên để xe lại. Hiện chị B đã thanh toán xong tiền sửa xe.

Bản kết luận định giá tài sản số 108/KL-HĐĐG ngày 11/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận: 01 (một) xe đạp điện màu đen, nhãn hiệu ASAMA, rổ xe bị hỏng dùng dây ni lông màu đen và đỏ cố định lại, đèn xe bị hỏng dùng băng keo trong cố định lại có giá trị là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Bản kết luận định giá tài sản số 120/KL-HĐĐG ngày 11/11/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận:

- Giá trị của 01 IC xe đạp điện được gắn trong một xe đạp điện màu đen, nhãn hiệu ASAMA, rổ xe bị hỏng dùng dây ni lông màu đen và đỏ cố định lại, đèn xe bị hỏng dùng băng keo trong cố định lại ngày 11/11/2024 là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng);

- Giá trị của 01 lõi động cơ xe đạp điện được gắn trong một xe đạp điện màu đen, nhãn hiệu ASAMA, rổ xe bị hỏng dùng dây ni lông màu đen và đỏ cố định lại, đèn xe bị hỏng dùng băng keo trong cố định lại ngày 11/11/2024 là 485.000 đồng (Bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng);

- Đối với 01 IC xe đạp điện, trên IC có chữ DAAO và 01 lõi động cơ xe đạp điện đã bị hư hỏng Hội đồng định giá không xác định được giá trị.

Như vậy, tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt trong vụ này là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) – 685.000 đồng (sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng) = **815.000 đồng (tám trăm mười lăm nghìn đồng)**.

Vật chứng, đồ vật được tạm giữ, xử lý:

- 01 (một) đĩa DVD bên trong chứa 04 (bốn) đoạn camera được trích xuất từ các camera gắn tại Chùa T1. *Chuyển kèm hồ sơ vụ án.*

- 01 (một) xe đạp điện màu đen, nhãn hiệu ASAMA, rổ xe bị hỏng dùng dây ni lông màu đen và đỏ cố định lại, đèn xe bị hư hỏng dùng băng keo trong cố định lại;

- 01 (một) IC xe đạp điện, trên IC có chữ "DAAO", đã hư hỏng;

- 01 (một) lõi động cơ xe đạp điện, đã hư hỏng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã ra quyết định xử lý vật chứng trao trả cho bị hại Nguyễn Thị Bích X.

Về phần trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị B đã nhận lại xe đạp điện bị mất trộm và thanh toán cho anh Trần Văn P3 số tiền 850.000 đồng là tiền sửa chữa xe bị hư hỏng do đó bà B yêu cầu bị cáo Lê Kim P phải hoàn trả lại số tiền trên cho bà B. Bị cáo chưa trả số tiền trên cho bị hại.

Vụ thứ hai:

Vào ngày 18/9/2024, P đến thuê phòng số 01 tại nhà nghỉ N1 tại ấp N, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 19/9/2024, P đi đến khu vực lễ tân của nhà nghỉ gặp chị Nguyễn Kim P4, sinh năm 1977, nơi thường trú: ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang (là quản lý của nhà nghỉ) để mượn xe đạp điện đi công việc cá nhân nhưng chị Nguyễn Kim P4 không đồng ý nên Lê Kim P quay trở lại phòng số 01 nằm nghỉ. Đến khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày, Lê Kim P đi đến dãy phòng trọ từ phòng số 08 đến phòng số 13 nhà nghỉ N1 thì nhìn thấy 01 xe đạp điện nhãn hiệu Asama màu sơn đỏ - đen của bà Phạm Thị P1, sinh năm: 1967, nơi thường trú: ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang (là nhân viên vệ

sinh của nhà nghỉ) đang dựng trước hành lang phòng số 08 nên P1 nảy sinh ý định lấy trộm xe đạp điện nói trên để làm phương tiện đi lại, P1 đi đến lấy xe đạp điện dẫn bộ vòng qua dãy trọ khác với mục đích không đi ngang khu vực quản lý khách sạn, khi đến cổng nhà nghỉ N1 thì chị Nguyễn Kim P4 phát hiện nhưng Lê Kim P đã điều khiển xe tẩu thoát. Sau đó, P điều khiển xe đạp điện vừa trộm được đến nhà của Lê Trung N, sinh năm: 1997 ở ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang để nhờ N tìm chổ cầm xe cho P, N nhận xe và đưa cho P số tiền 200.000 đồng. Sau đó, N đem xe đến cầm cho chị Nguyễn Bùi Ngọc Q, sinh năm: 1981, nơi thường trú: Số A ấp C, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang được số tiền 900.000 đồng.

Bản kết luận định giá tài sản số 102/KL-HĐĐG ngày 30/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận: Giá trị của xe đạp điện nhãn hiệu Asama màu sơn đỏ - đen thời điểm bị chiếm đoạt vào ngày 19/9/2024 là 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm nghìn đồng)

Vật chứng, đồ vật được tạm giữ, xử lý:

- 01 (một) xe đạp điện màu sơn đỏ - đen nhãn hiệu Asama, chụp đèn chiếu sáng bị hư, bể vỡ, bình điện trên xe hư hỏng, nứt vỡ phần vỏ nhựa. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã ra quyết định xử lý vật chứng trao trả cho bị hại Phạm Thị P1 xong.

- 01 (một) thẻ nhựa có chữ CĂN CƯỚC CÔNG DÂN, số 082198007685, Họ và tên LÊ KIM P, nơi thường trú: ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Về phần trách nhiệm dân sự:

- Bị hại Phạm Thị P1 đã nhận lại xe và không yêu cầu bồi thường gì khác.

- Chị Nguyễn Bùi Ngọc Q không yêu cầu hoàn trả lại số tiền 900.000 đồng đã đưa cho Lê Trung N để cầm xe đạp điện.

Vụ thứ ba:

Vào khoảng 13 giờ ngày 25/9/2024, Lê Kim P đi bộ trên đường L để về nhà của mình, khi đến nhà anh Nguyễn Tấn P2, sinh năm: 1976 ở ấp M, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang thì phát hiện nhà khóa cửa, không người trông coi nên P đi bộ vòng ra phía sau vào bên trong nhà. P thấy có 01 xâu chìa khóa nên P lấy chìa khóa, mở cửa phòng thấy 01 xe môtô nhãn hiệu Honda Wave S biển số 59K1 – 406.19. P dẫn xe ra bên ngoài rồi quay trở lại bên trong tiếp tục lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen loại phím bấm rồi quay trở ra điều khiển xe môtô 59K1 – 406.19 chạy đi. Sau đó, P kiểm tra thì phát hiện bên trong cốp xe môtô 59K1 – 406.19 có 01 chai nước hoa đã qua sử dụng, 01 cái bóp da bên trong có số tiền 10.000 đồng, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe 59K1 – 406.19 và 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Tấn P2. P điều khiển xe đến nhà Lê Trung N, sinh năm 1997 ở ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang để nhờ N đi cầm xe môtô vừa trộm được với giá 5.000.000 đồng và hứa sẽ chia cho N 1.000.000 đồng thì N đồng ý nên P giao xe môtô 59K1 – 406.19 cho N. Sau khi nhận xe của P, N đem xe đến cầm cho Võ Văn M, sinh năm: 1990, nơi thường trú: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang cầm được số tiền 5.000.000 đồng. N không đưa tiền cho P mà

tiêu xài cá nhân, còn lại số tiền 2.156.000 đồng Nghĩa đã giao nộp. Đối với Võ Văn M sau khi cầm xe đã rời khỏi địa phương nên chưa thu hồi xe được.

Bản kết luận định giá tài sản số 109/KL-HĐĐG ngày 14/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận:

- Giá trị thiệt hại của xe môtô 2 bánh biển số 51K1 – 706.19, nhãn hiệu Honda, số loại Wave S màu sơn đen, xanh, xám bị mất trộm vào ngày 23/9/2024 là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng);

- Giá trị thiệt hại của điện thoại di dộng nhãn hiệu Nokia bàn phím màu đen là 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng).

- Đối với 01 (một) bóp da và 01 (một) chai nước hoa nam vỏ bằng thủy tinh màu trắng, nước hoa màu vàng, tài sản không thu hồi được, Hội đồng định giá không xác định được giá trị.

Như vậy, tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt trong vụ này là 5.100.000 đồng (năm triệu một trăm nghìn đồng) + 10.000 đồng (mười nghìn đồng) = **5.110.000 đồng (năm triệu một trăm mười nghìn đồng)**.

Vật chứng, đồ vật được tạm giữ, xử lý:

- 01 (một) điện thoại Nokia bàn phím màu đen, có số seri 1 351288856365982, số seri 2 351288856865981 và sim Vinaphone số 0942952378;

- 01 (một) khẩu trang bằng vải sọc caro màu đen, xanh, trắng, đỏ, xám có dây đeo bằng thun, bên trong khẩu trang màu xám.

- Số tiền Việt Nam 2.156.000 đồng (Hai triệu một trăm năm mươi sáu nghìn đồng) do Lê Trung N giao nộp. Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đã ra quyết định xử lý vật chứng, trao trả cho bị hại Nguyễn Tấn P2 xong.

Về phần trách nhiệm dân sự:

- Nguyễn Tấn P2 yêu cầu bồi thường giá trị xe là số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), anh P2 đã nhận số tiền 2.156.000 đồng, còn lại số tiền 2.844.000 đồng (hai triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) anh P2 yêu cầu bị cáo Lê Kim P bồi thường. Bị cáo P chưa bồi thường.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, bị cáo Lê Kim P đã thành khẩn thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên. Bị cáo có 01 tiền án về tội "Trộm cắp tài sản" chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội do đó lần phạm tội này thuộc trường hợp Tái phạm.

Bản cáo trạng số 49/CT-VKSCT ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang đã truy tố bị cáo Lê Kim P về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Lê Kim P phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ: - Khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; s khoản 1 Điều 51, điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị: Xử phạt bị cáo từ **01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng** đến **02 (H) năm** tù. Đề nghị Hội đồng xét xử tổng hợp hình phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" của Bản án số 107/2024/HS-ST ngày 06/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang theo quy định pháp luật.

Về dân sự: Bà B yêu cầu bị cáo Lê Kim P phải hoàn trả lại số tiền 850.000đồng. Bị cáo tự nguyện bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Bị hại Phạm Thị P1 đã nhận lại xe và không yêu cầu bồi thường gì khác. Chị Nguyễn Bùi Ngọc Q không yêu cầu hoàn trả lại số tiền 900.000 đồng đã đưa cho Lê Trung N để cầm xe đạp điện nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Bị hại P2 yêu cầu bị cáo trả bị hại số tiền 2.844.000đồng. Bị cáo tự nguyện bồi thường số tiền 2.844.000đồng và số tiền 10.000đồng cho bị hại P2 nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả bị cáo: 01 (một) thẻ nhựa có chữ CĂN CƯỚC CÔNG DÂN, số 082198007685, Họ và tên LÊ KIM P, nơi thường trú: ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Trả bị hại: Nguyễn Tấn P2 01 (một) điện thoại Nokia bàn phím màu đen, có số seri 1 351288856365982, số seri 2 351288856865981 và sim Vinaphone số 0942952378;

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) khẩu trang bằng vải sọc caro màu đen, xanh, trắng, đỏ, xám có dây đeo bằng thun, bên trong khẩu trang màu xám do liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị cáo tự bào chữa: Bị cáo thống nhất với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản", bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ đã thể hiện.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo nhận thấy mình có lỗi, biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo hứa sẽ không tái phạm và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo mức thấp nhất để bị cáo về lo cho các con còn nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy việc vắng mặt bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử và vẫn đảm bảo quyền lợi hợp pháp của họ. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 292, Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố. Bị cáo xác định: Vào các ngày 15/9/2024, 19/9/2024, 25/9/2024, trên địa bàn các xã Đ, L, S, huyện C, tỉnh Tiền Giang, Lê Kim P đã lén lút trộm cắp tài sản của bà Nguyễn Thị B trị giá 815.000đồng (tám trăm mười lăm nghìn đồng), của bà Phạm Thị P1 trị giá 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm nghìn đồng) và của anh Nguyễn Tấn P2 trị giá 5.110.000 đồng (năm triệu một trăm mười nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là **7**.725.000 đồng (bảy triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng được thu giữ và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là phạm tội nhưng vẫn cố ý thực hiện, hành vi này không chỉ gây thiệt hại về mặt vật chất và tinh thần đối với người bị hại mà còn làm mất an ninh trật tự, gây hoang mang cho người dân sinh sống tại địa phương, bị cáo trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của các bị hại nên cần có mức án thật nghiêm khắc cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo có ý thức tôn trọng pháp luật và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần và tái phạm theo điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Về nhân thân: bị cáo chưa có tiền sự, nhưng có 01 tiền án Hội đồng xét xử có cân nhắc khi lượng hình.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Nguyễn Thị B yêu cầu bị cáo Lê Kim P phải hoàn trả lại số tiền 850.000đồng. Bị cáo tự nguyện bồi thường nên ghi nhận. Bị hại Phạm Thị P1 đã nhận lại xe và không yêu cầu bồi thường gì khác. Chị Nguyễn Bùi Ngọc Q không yêu cầu hoàn trả lại số tiền 900.000 đồng đã đưa cho Lê Trung N để cầm xe đạp điện nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Bị hại Nguyễn Tấn P2 yêu cầu bị cáo bồi thường bị hại giá trị xe mô tô số tiền 2.844.000đồng. Bị cáo tự nguyện bồi thường cho bị hại giá trị xe mô tô số tiền 2.844.000đồng và số tiền 10.000đồng cho bị hại P2 nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về xử lý vật chứng:

Vật chứng, đồ vật được tạm giữ, xử lý như sau:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả bị cáo: 01 (một) thẻ nhựa có chữ CĂN CƯỚC CÔNG DÂN, số 082198007685, Họ và tên LÊ KIM P, nơi thường trú: ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Trả bị hại Nguyễn Tấn P2: 01 (một) điện thoại Nokia bàn phím màu đen, có số seri 1 351288856365982, số seri 2 351288856865981 và sim Vinaphone số 0942952378;

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) khẩu trang bằng vải sọc caro màu đen, xanh, trắng, đỏ, xám có dây đeo bằng thun, bên trong khẩu trang màu xám do liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

[6] Đối với Lê Trung N và Võ Văn M hiện tại không có mặt ở địa phương nên không thể xác minh làm việc được, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy tìm, tiếp tục xác minh, khi có đủ chứng cứ sẽ xử lý sau;

Chị Bùi Thị Ngọc Q1 nhận cầm xe đạp điện của Lê Trung N nhưng không biết đây là xe do phạm tội mà có, ngoài ra không có chứng cứ nào khác. Do đó, không có cơ sở quy kết trách nhiệm hình sự đối với hành vi "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" của Q1.

Anh Trần Văn P3 là người hoạt động trong lĩnh vực mua bán, sửa chữa xe đạp điện, khi bị cáo P đem xe đến nhờ anh P3 kiểm tra, sửa xe thì anh P3 không biết đây là xe do phạm tội mà có, ngoài ra không có chứng cứ nào khác. Do đó, không có cơ sở quy kết trách nhiệm hình sự đối với hành vi "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có" của P3 là đúng quy định pháp luật.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Lê Kim P** phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1. Về hình phạt:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 173; Điều 32; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Kim P **01 (Một) năm 06 (S1) tháng** tù.

Tổng hợp với **09 (chín) tháng tù** của Bản án số 107/2024/HSST ngày 06/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang về tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là **02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng** tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt chấp hành hình phạt tù là ngày 23/9/2024.

2. Về dân sự:

Buộc bị cáo Lê Kim P có nghĩa vụ trả cho bị hại Nguyễn Thị B số tiền 850.000đồng.

Buộc bị cáo Lê Kim P có nghĩa vụ trả cho bị hại Nguyễn Tấn P2 số tiền 2.854.000đồng.

Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự trên số tiền chậm thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả bị cáo: 01 (một) thẻ nhựa có chữ CĂN CƯỚC CÔNG DÂN, số 082198007685, Họ và tên LÊ KIM P, nơi thường trú: ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Trả bị hại Nguyễn Tấn P2: 01 (một) điện thoại Nokia bàn phím màu đen, có số seri 1 351288856365982, số seri 2 351288856865981 và sim Vinaphone số 0942952378;

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) khẩu trang bằng vải sọc caro màu đen, xanh, trắng, đỏ, xám có dây đeo bằng thun, bên trong khẩu trang màu xám do liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang).

4. Về án phí:

Căn cứ: khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Trại tạm giam công an tỉnh TG;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh TG;
- Chi cục Thi hành án dân sự h.C;
- Cơ quan Thi hành án hình sự h.C;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Hồng Quyên